

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định việc thu hồi đất trong trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng đối với trường hợp thuê đất, thuê lại đất của chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này Quy định việc thu hồi đất trong trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng đối với trường hợp thuê đất, thuê lại đất của chủ đầu tư được nhà nước cho thuê đất để kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề (sau đây gọi chung là doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng).

2. Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê đất, thuê lại đất của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan.

### **Điều 3. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng**

1. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng có trách nhiệm rà soát các trường hợp thuê đất, thuê lại đất nhưng không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng cho thuê đất, cho thuê lại đất và thực hiện đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 51 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai.

2. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đã thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này mà bên thuê đất, thuê lại đất vẫn không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất thì doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng gửi văn bản và hồ sơ liên quan theo quy định tại khoản 6 Điều 51 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai để kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 4. Trình tự, thủ tục thu hồi đất trong trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất**

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo hồ sơ có liên quan của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sau khi có kết quả kiểm tra, kết luận thanh tra về việc không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ đưa đất vào sử dụng đối với trường hợp thuê đất, thuê lại đất, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi diện tích đất vi phạm của bên thuê đất, thuê lại đất và giao cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng.

3. Trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) nhưng không giao nộp bản gốc Giấy chứng nhận khi bị thu hồi đất thì thực hiện như sau:

a) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng có văn bản yêu cầu bên thuê đất, thuê lại đất giao nộp bản gốc Giấy chứng nhận để thực hiện thu hồi hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận theo quy định; trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất vẫn không giao nộp Giấy chứng nhận thì Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng rà soát cụ thể từng trường hợp và xác định việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp

không có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; lập danh sách Giấy chứng nhận bị hủy, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Quản lý đất đai để thông báo công khai trên trang thông tin điện tử.

b) Đối với trường hợp đang thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức tín dụng xử lý hợp đồng thế chấp và nộp lại Giấy chứng nhận theo quy định.

4. Việc xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan giữa doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng và bên thuê đất, thuê lại đất được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2021.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

#### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT, TH. (5b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Quốc Nam**